

BỘ THƯƠNG MẠI
Số: 1420/2004/QĐ-BTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 10 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

Về việc ban hành Quy chế cấp giấy chứng nhận xuất xứ ASEAN của Việt Nam - Mẫu D để hưởng các ưu đãi theo "Hiệp định về Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT)"

Căn cứ Nghị định số 29/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thương mại;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Xuất nhập khẩu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cấp giấy chứng nhận xuất xứ ASEAN của Việt Nam- Mẫu D để hưởng các ưu đãi theo "Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT)".

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo

Điều 3: Quyết định này thay thế các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại số 416/TM-ĐB ngày 13/5/1996 ban hành quy chế cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá ASEAN của Việt Nam ? Mẫu D và các quyết định sửa đổi, bổ sung số 0878/1998/QĐ-BTM ngày 30/7/1998, số 1000/1998/QĐ-BTM ngày 3/9/1998, số 0492/2000/QĐ-BTM ngày 25/12/2000.

Điều 4: Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Xuất nhập khẩu, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan thuộc Bộ Thương mại chịu trách nhiệm thi hành và hướng dẫn thi hành Quyết định này./.

QUY CHẾ

**CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HOÁ CỦA VIỆT NAM MẪU D ĐỂ
HƯỞNG CÁC ƯU ĐÃI THEO "HIỆP ĐỊNH VỀ CHƯƠNG TRÌNH**

ƯU ĐÃI THUẾ QUAN CÓ HIỆU LỰC CHUNG (CEPT) ĐỂ THÀNH LẬP KHU VỰC MẬU DỊCH TỰ DO ASEAN (AFTA)"

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1420/2004/QĐ-BTM

ngày 04 tháng 10 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại)

I. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG:

Điều 1: Định nghĩa

- Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá ASEAN của Việt Nam - Mẫu D (sau đây gọi tắt là C/O Mẫu D) là giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá do phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực của Bộ Thương mại và các cơ quan được Bộ Thương mại uỷ quyền cấp cho hàng hoá Việt Nam để hưởng các ưu đãi theo "Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) để thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA)" (dưới đây gọi là hiệp định CEPT).

- Hiệp định CEPT là hiệp định quốc tế giữa các nước thành viên ASEAN mà Việt Nam đã ký tham gia tại Băng Cốc - Thái Lan ngày 15/12/1995 và có hiệu lực thực hiện từ ngày 1/1/1996.

Điều 2: Hàng hoá được cấp C/O Mẫu D

Hàng hoá được cấp C/O Mẫu D là hàng hoá đáp ứng được đầy đủ các điều kiện về xuất xứ quy định tại hiệp định CEPT (thể hiện trong phụ lục 1 của quy chế này) và thuộc danh mục hàng hoá ban hành kèm theo Nghị định của Chính phủ quy định về hàng hoá thuộc chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung của các nước ASEAN (CEPT).

Điều 3: Trách nhiệm của người xin cấp C/O Mẫu D

Mọi tổ chức, thương nhân (sau đây gọi tắt là người xin cấp C/O Mẫu D) có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho các phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực và các tổ chức giám định hàng hoá trong việc xác định chính xác xuất xứ hàng hoá của mình.

Người xin cấp C/O Mẫu D phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của các chi tiết được khai trong C/O Mẫu D.

II. THỦ TỤC CẤP C/O MẪU D:

Điều 4: Số lượng một bộ C/O Mẫu D

Bộ C/O Mẫu D được bao gồm một (01) bản chính và ba (03) bản sao.

- a. Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá Mẫu D (theo mẫu chung do Bộ Thương mại ban hành) đã được khai hoàn chỉnh (theo Điều 1 của Phụ lục 3)
- b. Giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ hàng hoá (trong trường hợp có yêu cầu kiểm tra) phải phù hợp với các quy chế về xuất xứ quy định tại phụ lục số 1 trong quy chế này và do công ty giám định hàng hoá cấp (quy định trong Phụ lục 4)
- c. Tờ khai hải quan đã được thanh khoản.
- d. Hoá đơn thương mại:
- e. Vận đơn

Trong trường hợp chưa có tờ khai hải quan đã hoàn thành thủ tục hải quan (nhưng phải có tờ khai hải quan đã có chữ ký của cán bộ hải quan tiếp nhận hồ sơ) và vận đơn hoặc biên lai nhận hàng, người xin cấp C/O Mẫu D có thể được nợ các chứng từ này nhưng phải có văn bản gửi cơ quan cấp C/O Mẫu D cam kết sẽ nộp các chứng từ này sau. Thời gian được nợ các chứng từ này tối đa là 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày được cấp C/O Mẫu D.

Ba loại giấy (số c; d; e) là bản sao có chữ ký và đóng dấu xác nhận sao y bản chính của thủ trưởng đơn vị (nếu là tổ chức) hoặc có chữ ký và đóng dấu của cơ quan công chứng (nếu là cá nhân) đồng thời mang theo bản chính để đối chiếu.

Ba (03) tháng một lần, doanh nghiệp phải báo cáo cơ quan cấp C/O Mẫu D tại địa bàn hoạt động của mình về những lô hàng doanh nghiệp bị các nước nhập khẩu từ chối hưởng thuế suất CEPT mặc dù đã được cấp C/O Mẫu D.

Điều 6: Kiểm tra xuất xứ hàng hoá được cấp C/O Mẫu D.

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan cấp C/O Mẫu D có thể:

- a. Yêu cầu người xin cấp C/O Mẫu D cung cấp thêm các tài liệu cần thiết để xác định chính xác xuất xứ hàng hoá theo các tiêu chuẩn của hiệp định CEPT:
- b. Tiến hành kiểm tra tại nơi sản xuất:
- c. Kiểm tra lại các trường hợp đã được cấp C/O Mẫu D

Điều 7: Thời hạn cấp C/O Mẫu D

Cơ quan cấp C/O Mẫu D có trách nhiệm cấp C/O Mẫu D trong các thời hạn sau, kể từ khi nhận được hồ sơ xin cấp C/O Mẫu D đầy đủ và hợp lệ:

- a. 2 giờ làm việc đối với các trường hợp thông thường:
- b. 4 giờ làm việc đối với các trường hợp được quy định tại khoản a Điều 6:
- c. Trong trường hợp được quy định tại khoản b Điều 6, thời hạn có thể chậm hơn nhưng không quá bảy (7) ngày làm việc.

Điều 8: C/O Mẫu D cấp sau

Trong trường hợp vì sai sót của cán bộ cấp C/O Mẫu D hoặc vì các trường hợp bất khả kháng của người xin cấp C/O Mẫu D, cơ quan cấp C/O Mẫu D cấp C/O Mẫu D cho hàng hoá đã được giao trong thời hạn không quá 1 năm kể từ ngày giao hàng, C/O Mẫu D được cấp trong trường hợp này phải ghi rõ "cấp sau và có hiệu lực từ khi giao hàng "bằng tiếng Anh": Issued retroactively"

Điều 9: Cấp lại C/O Mẫu D

Trong trường hợp C/O Mẫu D bị mất cấp, thất lạc hoặc hư hỏng, cơ quan cấp C/O Mẫu D có thể cấp lại bản sao chính thức C/O Mẫu D và bản sao thứ ba trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được đơn xin cấp lại có kèm theo bản sao thứ tự (Quadruplicate) của lần cấp đầu tiên, có ghi vào ô số 12 dòng chữ "sao y bản chính" bằng tiếng anh: "Certified true copy".

Điều 10: Từ chối cấp và từ chối cấp lại C/O Mẫu D

Trường hợp hàng hoá không đủ tiêu chuẩn hoặc không xác định được chính xác xuất xứ theo các tiêu chuẩn của hiệp định CEPT hoặc hồ sơ xin cấp lại không có bản sao thứ tư của lần cấp đầu tiên, cơ quan cấp C/O Mẫu D có quyền từ chối cấp C/O Mẫu D và phải thông báo rõ lý do bằng văn bản cho người xin cấp biết trong thời hạn được quy định tại Điều 7 và Điều 9

Điều 11: Những vấn đề khác

Những vấn đề chưa được đề cập trong các điều từ Điều 4 đến Điều 10 sẽ được giải quyết theo các quy định của ASEAN tại phụ lục số 2

III. Tổ chức quản lý việc cấp C/O Mẫu D

Điều 12: Người ký C/O Mẫu D

Chỉ có những người được Bộ trưởng Bộ Thương mại uỷ quyền và đã đăng ký chữ ký mới có quyền cấp C/O Mẫu D

Điều 13: Cơ quan cấp C/O Mẫu D

Việc cấp giấy chứng nhận Mẫu D do các cơ quan được Bộ Thương mại uỷ quyền nêu tại Điều 1 phụ lục 3 của quyết định này. Danh sách này có thể được Bộ Thương mại điều chỉnh bổ sung.

Các thương nhân có quyền lựa chọn nơi xin cấp giấy chứng nhận Mẫu D để phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh. Riêng các ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất chỉ được cấp C/O Mẫu D cho các doanh nghiệp trên địa bàn phụ trách

Điều 14: Trách nhiệm của cơ quan cấp C/O Mẫu D

Các cơ quan cấp C/O Mẫu D có trách nhiệm:

- Hướng dẫn thủ tục xin cấp C/O Mẫu D;
- Kiểm tra hồ sơ xin cấp C/O Mẫu D;
- Duyệt ký và cấp C/O Mẫu D;
- Lưu trữ hồ sơ cấp C/O Mẫu D;
- Theo dõi, kiểm tra việc sử dụng C/O Mẫu D;
- Báo cáo những vấn đề liên quan đến việc cấp và sử dụng C/O Mẫu D;

IV. GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 15: Cơ quan giải quyết khiếu nại

Trong trường hợp bị từ chối cấp hoặc quá thời hạn được quy định tại Điều 7 và Điều 9 mà chưa được cấp mới hoặc cấp lại C/O Mẫu D, người xin cấp C/O Mẫu D có quyền khiếu nại lên Bộ trưởng Bộ Thương mại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định từ chối cấp C/O Mẫu D hoặc ngày cuối cùng của thời hạn cấp theo Điều 7. Bộ trưởng Bộ Thương mại có trách nhiệm giải quyết trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Nếu chưa đồng ý với quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại thì có thể khởi kiện ra Tòa theo quy định của Pháp luật.

Điều 16: Thu hồi C/O Mẫu D